

SUBMISSION DOCUMENT

Re: Submission to the General Meeting of Shareholders for approval of the remuneration of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the salary fund for management staff and employees for the years 2021, 2022, 2023, 2024 and the plan for the year 2025

To: The Board of Directors of Saigon Shipping Joint Stock Company.

Pursuant to the Law on Enterprises promulgated on 17/06/2020;

Pursuant to the Charter on Organization and Operation of Saigon Shipping Joint Stock Company;

Pursuant to Submission Document No. 09/TTr-HĐQT-SSC dated 19/05/2022 of the Board of Directors of the Company regarding the implementation of operating expenses, remuneration for the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Meeting of Shareholders; and the salary fund for management staff and employees for the year 2021 and the plan for the year 2022;

Pursuant to Submission Document No. 23/TTr-HĐQT-SSC dated 01/07/2024 regarding the implementation of operating expenses, remuneration for the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Meeting of Shareholders; and the salary fund for management staff and employees for the year 2022 and the plan for the year 2023;

Pursuant to Submission Document No. 17/TTr-TGD-SSC dated 24/09/2025 of the General Director of the Company regarding the approval of the contents to be submitted to the General Meeting of Shareholders for approval;

Pursuant to Resolution No. 16/NQ-HĐQT-SSC dated 07/10/2025 on the approval of the contents to be submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Saigon Shipping Joint Stock Company;

The Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval the remuneration of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the salary fund for management staff and employees for the years 2021, 2022, 2023, 2024, and the plan for the year 2025 as follows:

Unit: VND million
(Figures have been rounded)

No	Item	Year 2021		Year 2022		Year 2023		Year 2024		Year 2025
		Plan	Actual	Plan	Actual	Plan	Actual	Plan	Actual	Plan
I	Indicators									
1	Total revenue from production and business	112,410	122,960	131,712	181,588	174,096	160,616	108,277	104,604	104,657
2	Total expenses (excluding salaries)	71,871	81,517	81,522	113,984	104,288	85,655	65,523	69,432	68,915
3	Profit from production and business	29,468	30,326	36,508	52,461	54,291	61,315	30,920	23,781	24,166
II	Remuneration for the Board of Directors (BOD) and Supervisory Board (SB)	276	276	276	414	444	444	468	433.7	468

1	Remuneration for the Board of Directors (BOD), of which:	192	192	192	288	288	312	312	277.7	312
	<i>Monthly remuneration for the Chairman of the BOD</i>	4	4	4	6	6	6	6	6	6
	<i>Monthly remuneration for Members of the BOD</i>	3	3	3	4.5	4.5	5	5	5	5
2	Remuneration for the Supervisory Board (SB), of which:	84	84	84	126	156	156	156	156	156
	<i>Monthly remuneration for the Head of the SB</i>	3	3	3	4.5	5	5	5	5	5
	<i>Monthly remuneration for Members of the SB</i>	2	2	2	3	4	4	4	4	4
III	Salary Fund (Executive Board, Employees)	10,795	10,841	13,406	14,729.2	15,053.6	13,178	11,366	11,391	11,576
1	Salary fund for management staff (CBQL)	1,728	1,572	1,728	1,555.2	1,497.6	1,288	1,152	1,189	1,320
1.1	Average number of employees	4	3.5	4	3	2.66	2.67	2.67	2.64	3
1.2	Average monthly salary per person	36	37.44	36	43.2	46.8	40.24	36	37.53	37
2	Salary fund for employees (NLD)	9,067	9,269	11,678	13,174	13,556	11,890	10,214	10,202	10,256
2.1	Average number of employees	81	76	92	70	71	71	68	68	68
2.2	Average monthly salary per person	9,328	10,163	10,578	15,684	15,911	13,955	12,517	12,503	12,569

Respectfully submitted to the Board of Directors for consideration and approval.

Sincerely./.

Recipients:

- General Meeting of Shareholders; Board of Directors; Supervisory Board
- To be filed: Office.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS

Member of the Board of Directors
(Signed and sealed)
Huynh Nhu Y

1067
CƠ
CHẾ
DỊCH
HUYỆ
HÀ
TƯ L

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH DỊCH THUẬT CHUYÊN NGHIỆP HÀ NỘI

CONFIRMATION OF HA NOI PROFESSIONAL TRANSLATION CO.,LTD

I, undersigned **Do Thi Anh**, Citizen card No. 001190054782, Date of issue: 12/07/2021, Place of issue: Director of Police Department for administrative management of social order, Undertake that this is true translation from Vietnamese into English.

Translator

Tôi: **Đỗ Thị Ánh**, CMTND số: 001190054782 cấp ngày 12/07/2021, Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cam đoan đã dịch chính xác văn bản này từ tiếng Việt sang tiếng Anh

Người dịch



Đỗ Thị Ánh

Certified that Ms **Do Thi Anh**, Citizen card No. 001190054782, Date of issue: 12/07/2021, Place of issue: Director of Police Department for administrative management of social order, Subscribed before me in Ha Noi Professional Translation Co., LTD
Address: Room 101A, Building M3-M4, No. 91 Nguyen Chi Thanh Street, Dong Da District, Hanoi
Tel:

No **0910** Volume No: **01** CT/DTCNHN

Date: 09/10/2025

**BY ORDER OF DIRECTOR
CHIEF OF TRANSLATION OFFICE**

Chứng thực ông/bà **Đỗ Thị Ánh**, CMTND số: 001190054782 cấp ngày 12/07/2021, Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đã ký trước mặt tôi tại Công ty TNHH Dịch thuật Chuyên Nghiệp Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 101A – Tòa M3M4 - 91 Nguyễn Chí Thanh - Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại:

Số chứng thực: **06910** Quyền số: **01** CT/DTCNHN

Ngày: 09/10/2025

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH



ĐỖ THỊ ÁNH

TP.HCM, ngày 07 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao của HĐQT, BKS, quỹ tiền lương Cán bộ quản lý và người lao động các năm 2021; năm 2022; năm 2023; năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn;

Căn cứ Tờ trình số 09/TTr-HĐQT-SSC ngày 19/05/2022 của Hội đồng quản trị Công ty v/v thực hiện chi phí hoạt động, thù lao HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ; Quỹ tiền lương cán bộ quản lý, người lao động năm 2021 và kế hoạch năm 2022;

Căn cứ Tờ trình số 23/TTr-HĐQT-SSC ngày 01/07/2024 v/v thực hiện chi phí hoạt động, thù lao HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ; Quỹ tiền lương cán bộ quản lý, người lao động năm 2022 và kế hoạch năm 2023;

Căn cứ Tờ trình số 17/TTr-TGD-SSC ngày 24/09/2025 của Tổng giám đốc Công ty về việc phê duyệt nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT-SSC ngày 07/10/2025 về việc thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua thù lao của HĐQT, BKS, quỹ tiền lương Cán bộ quản lý và người lao động các năm 2021; năm 2022; năm 2023; năm 2024 và kế hoạch năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng
(Số liệu đã được làm tròn)

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
I	Chỉ tiêu									
1	Tổng doanh thu SXKD	112.410	122.960	131.712	181.588	174.096	160.616	108.277	104.604	104.657
2	Tổng chi phí (chưa có lương)	71.871	81.517	81.522	113.984	104.288	85.655	65.523	69.432	68.915
3	Lợi nhuận SXKD	29.468	30.326	36.508	52.461	54.291	61.315	30.920	23.781	24.166
II	Thù lao HĐQT, BKS	276	276	276	414	444	468	468	433,7	, 468

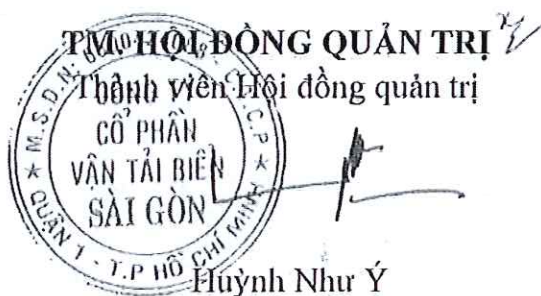
TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	Thù lao HĐQT, trong đó:	192	192	192	288	288	312	312	277,7	312
	Mức thù lao hàng tháng của Chủ tịch HĐQT	4	4	4	6	6	6	6	6	6
	Mức thù lao hàng tháng của Thành viên HĐQT	3	3	3	4,5	4,5	5	5	5	5
2	Thù lao Ban Kiểm soát, trong đó:	84	84	84	126	156	156	156	156	156
	Mức thù lao hàng tháng của Trưởng Ban kiểm soát	3	3	3	4,5	5	5	5	5	5
	Mức thù lao hàng tháng của Thành viên Ban kiểm soát	2	2	2	3	4	4	4	4	4
III	Quỹ tiền lương (BDH, NLD)	10.795	10.841	13.406	14.729,2	15.053,6	13.178	11.366	11.391	11.576
1	Quỹ tiền lương CBQL	1.728	1.572	1.728	1.555,2	1.497,6	1.288	1.152	1.189	1.320
1.1	Tổng số lao động bình quân	4	3,5	4	3	2,66	2,67	2,67	2,64	3
1.2	Tiền lương bình quân/người/tháng	36	37,44	36	43,2	46,8	40,24	36	37,53	37
2	Quỹ tiền lương NLD	9.067	9.269	11.678	13.174	13.556	11.890	10.214	10.202	10.256
2.1	Tổng số lao động bình quân	81	76	92	70	71	71	68	68	68
2.2	Tiền lương bình quân/người/tháng	9,328	10,163	10,578	15,684	15,911	13,955	12,517	12,503	12,569

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- ĐHCĐ; HĐQT; BKS
- Lưu: VT.



Huỳnh Như Ý